

Số: 2105/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 29 tháng 9 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 134/TTr-SKHĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

1. Vốn trong nước (vốn ngân sách Trung ương bổ sung cho địa phương): 5.602,5 tỷ đồng (Năm nghìn sáu trăm lẻ hai tỷ, năm trăm triệu đồng) phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố như sau:

- Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: bố trí 131 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới;

- Y tế, dân số và gia đình: bố trí 180 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp;

- Các hoạt động kinh tế: bố trí 5.291,5 tỷ đồng cho 29 dự án, như sau:

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: bố trí 1.268,5 tỷ đồng cho 12 dự án (gồm 01 dự án chuẩn bị đầu tư; 05 dự án chuyển tiếp và 06 dự án khởi công mới).

+ Giao thông: bố trí 3.236 tỷ đồng cho 13 dự án (gồm 01 dự án chuyển tiếp và 12 dự án khởi công mới).

+ Khu công nghiệp và Khu kinh tế: bố trí 535 tỷ đồng cho 02 dự án (gồm 01 dự án chuyển tiếp và 01 dự án khởi công mới).

+ Lĩnh vực Du lịch: bố trí 252 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới.

2. Vốn nước ngoài (cấp phát từ ngân sách Trung ương): 156,9 tỷ đồng (Một trăm năm mươi sáu tỷ, chín trăm triệu đồng) phân bổ cho các sở như sau:

- Y tế, dân số và gia đình: bố trí 121,6 tỷ đồng cho 02 dự án chuyên tiếp.
- Công nghệ thông tin: bố trí 35,3 tỷ đồng cho 01 dự án chuyên tiếp.

(Đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II)

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thông báo chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện; theo dõi kiểm tra đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn nêu trên; định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VPCP (b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC (b/c);
- TT.TU (b/c);
- TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- BLĐVP. UBND tỉnh;
- Các Phòng: THNV, KT;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. *Đinh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>10.782.299</b>	<b>9.041.144</b>	<b>1.449.400</b>	<b>5.602.500</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>						<b>188.898</b>	<b>131.000</b>	-	<b>131.000</b>	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>						<i>188.898</i>	<i>131.000</i>	-	<i>131.000</i>	
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>						<i>188.898</i>	<i>131.000</i>	-	<i>131.000</i>	
	Viện Công nghệ sinh học - Trường Đại học Trà Vinh	TPTV	Trường Đại học Trà Vinh	Cấp III	2021-2024	3804/QĐ-UBND 30/11/2020	188.898	131.000		131.000	
<b>II</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>						<b>1.600.000</b>	<b>1.400.000</b>	<b>1.220.000</b>	<b>180.000</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</i>						<i>1.600.000</i>	<i>1.400.000</i>	<i>1.220.000</i>	<i>180.000</i>	
	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	TPTV	Sở Y tế	700 giường bệnh	2017-2021	510/QĐ-TTg 17/4/2017; 1781/QĐ-UBND 26/9/2017	1.600.000	1.400.000	1.220.000	180.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>III</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>						<b>8.993.401</b>	<b>7.510.144</b>	<b>229.400</b>	<b>5.291.500</b>	
<b>1)</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>						<b>3.239.521</b>	<b>2.340.461</b>	<b>105.000</b>	<b>1.268.500</b>	
	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>						<b>1.214.921</b>	<b>607.461</b>	-	<b>3.000</b>	
	Hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thế đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1)	Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chiều dài kè 02 bên 14,36km; Bờ bao kết hợp giao thông dọc 02 bên 16km			1.214.921	607.461		3.000	Giai đoạn 2021-2025: NST bổ trợ 110 tỷ đồng thực hiện công tác BT GPMB
	<b>Thực hiện dự án</b>						<b>2.024.600</b>	<b>1.733.000</b>	<b>105.000</b>	<b>1.265.500</b>	
<b>(1)</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>						<b>271.000</b>	<b>250.000</b>	<b>105.000</b>	<b>107.000</b>	
1	Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển áp Cồn Nhân, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2)	Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	780m	2020-2021	2464/QĐ-UBND 23/6/2020	46.000	40.000	20.000	2.000	
2	Xây dựng kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh thuộc tuyến đê Long Hữu - Hiệp Thạnh	thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	420m	2020-2021	2861/QĐ-UBND 30/7/2020	42.000	40.000	30.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	
3	Kè chống sạt lở bờ sông Cỏ Chiên khu vực Cù lao ấp Long Trì, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (giai đoạn 2)	TPTV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.477m	2020-2023	88.000	80.000	30.000	35.000		
4	Khu vực sông Láng Thè, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Càng Long	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.150m	2020-2022	60.000	60.000	10.000	45.000		
5	Di dân khẩn cấp vùng sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang (giai đoạn 2)	Cầu Ngang	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	500m	2020-2021	35.000	30.000	15.000	15.000		
(2)	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>					<b>1.753.600</b>	<b>1.483.000</b>	-	<b>1.158.500</b>		
a)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</b>					<b>1.196.600</b>	<b>1.078.000</b>	-	<b>1.048.500</b>		
1	Đầu tư xây dựng 15 trạm bơm điện - kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp	Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Kè	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	công trình cấp III	2021-2024	215.000	193.500		193.500		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất	Tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổng chiều dài 162,11 km	2021-2024	4072/QĐ-UBND 29/12/2020	387.300	349.000		320.000	
3	Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh	Trà Cú, Tiểu Cần, Càng Long	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34 công BTCT	2021-2024	4073/QĐ-UBND 29/12/2020	358.300	323.000		323.000	
4	Kè chống sạt lở Sông thị trấn Tiểu Cần	thị trấn Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	công trình cấp IV	2021-2024	3838/QĐ-UBND 01/12/2020	156.000	140.500		140.000	
5	Kè phía Đông kênh Chợ Mới, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú.	thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	công trình cấp IV	2021-2024	4074/QĐ-UBND 29/12/2020	80.000	72.000		72.000	
<b>b)</b>	<b>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025</b>						<b>557.000</b>	<b>405.000</b>	-	<b>110.000</b>	
	Kè sông Long Bình, thành phố Trà Vinh (đoạn còn lại)	TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tổng chiều dài 8.200m; hạ tầng kỹ thuật; BT GPMB	2024-2027	1278/QĐ-UBND 02/7/2021	557.000	405.000		110.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2)	Giao thông						4.520.905	3.966.705	58.500	3.236.000	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</i>						653.405	653.405	58.500	378.500	
	Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2	Châu Thành, Cầu Ngang, thị xã Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	Cấp IV ĐB	2019-2023	2700/QĐ-UBND 10/7/2020	653.405	653.405	58.500	378.500	Đoạn 2 trùng với Tuyên đường hành lang ven biển tỉnh; giảm quy mô và tổng mức đầu tư dự án còn lại khoảng 463.155 tỷ đồng
(2)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>						3.867.500	3.313.300	-	2.857.500	
a)	<i>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>						3.111.920	2.633.200	-	2.616.000	
1	Hạ tầng giao thông kết nối Trung tâm thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành, Càng Long với Quốc lộ 60 và Quốc lộ 53 (giai đoạn 2)	Càng Long, Châu Thành và TPTV	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Cấp III đồng bằng (Tổng chiều dài khoảng 22,93 km; 12 cầu BTCT; hạng mục phụ trợ	2021-2024	3558/QĐ-UBND 28/10/2020; 1366/QĐ-UBND 13/7/2021	1.498.000	1.180.000		1.180.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			
								Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Đường kết nối Quốc lộ 53 với Đường cây ăn trái	Châu Thành, TPTV	Sở Giao thông vận tải	cấp III đồng bằng	2021-2024	3771/QĐ-UBND 26/11/2020	262.820	237.000		220.000	
3	Cầu Ba Động kết nối hạ tầng du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải	Thị xã Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	Cầu BTCT	2021-2024	3798/QĐ-UBND 30/11/2020	135.000	121.500		121.500	
4	Xây dựng Đường huyện 13 kéo dài từ giáp Đường huyện 09, xã Tập Ngãi đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 60, xã Phú Cấn, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Quy mô cấp V đồng	2021-2024	3762/QĐ-UBND 25/11/2020	101.400	91.500		91.500	
5	Đường ven sông Hậu, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	L=17,54km; 03 cầu BTCT	2021-2024	3813/QĐ-UBND 30/11/2020	150.000	135.000		135.000	
6	Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	Dài 10.305m, rộng 7,5m	2021-2024	3839/QĐ-UBND 01/12/2020	274.700	247.200		247.000	
7	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Hạ tầng kỹ thuật, giao thông	2021-2024	3830/QĐ-UBND 01/12/2020	100.000	90.000		90.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2024	422/QĐ-UBND 02/3/2021	200.000	180.000		180.000	
9	Đường D10 thành phố Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Đường đô thị	2021-2024	4075/QĐ-UBND 29/12/2020	120.000	108.000		108.000	
10	Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Đường đô thị	2021-2024	4076/QĐ-UBND 29/12/2020	270.000	243.000		243.000	
b)	<b>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025</b>						<b>755.580</b>	<b>680.100</b>	-	<b>241.500</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 915	Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Tổng chiều dài khoảng 49,8 km	2024-2027	1085/QĐ-UBND 07/6/2021; 1281/QĐ-UBND 02/7/2021	539.580	485.600		141.500	
2	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	Chiều dài tuyến 4.045m; 04 cầu BTCT, dài 115,2m	2023-2026	3913/QĐ-UBND 10/12/2020; 1282/QĐ-UBND 02/7/2021	216.000	194.500		100.000	
3)	<b>Khu công nghiệp và Khu kinh tế</b>						<b>952.975</b>	<b>950.978</b>	<b>65.900</b>	<b>535.000</b>	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(1)	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>						568.234	568.234	65.900	435.000	
	Dự án Tuyến số 05 (đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến cầu C16 và từ cầu C16 đến kênh đào Trà Vinh) Khu kinh tế Định An (giai đoạn 1)	KKT Định An	Ban Quản lý Khu kinh tế	Chiều dài 8,6km	2019-2023	1847/QĐ-UBND 17/09/2018; 1590/QĐ-UBND 22/8/2019	568.234	568.234	65.900	435.000	
(2)	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>						384.741	382.744	-	100.000	
	<b>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025</b>						384.741	382.744	-	100.000	
	Dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường trục chính dọc theo kênh đào Trà Vinh (đoạn từ sông Giồng Ồi đến nút N29) - Giai đoạn 1	KKT Định An	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Chiều dài 4,4km	2024-2027	3203/QĐ-UBND 14/9/2020; 1279/QĐ-UBND 02/7/2021	384.741	382.744		100.000	
4)	<b>Du lịch</b>						280.000	252.000	-	252.000	
	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>						280.000	252.000	-	252.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025						280.000	252.000	-	252.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Động	thị xã Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	Đường đô thị; dài 07km	2021-2024	3763/QĐ-UBND 25/11/2020	130.000	117.000		117.000	
2	Hạ tầng phát triển du lịch cụm xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2024	230/QĐ-UBND 03/02/2021	150.000	135.000		135.000	

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA) GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 2105 /QĐ-UBND ngày 29 tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn nước ngoài thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (vốn ODA đưa vào cân đối NSTW)	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			
									Trong đó: vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG SỐ</b>								<b>260.186</b>	<b>169.045</b>	<b>10.000</b>	<b>156.900</b>	
<b>I</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>								<b>195.663</b>	<b>121.738</b>	-	<b>121.600</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</b>								<b>195.663</b>	<b>121.738</b>	-	<b>121.600</b>	
1	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" Dự án thành phần tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	cấp III	2019-2024	WB	18/02/2020	501/QĐ-UBND 27/3/2019	115.013	54.688		54.600	
2	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Tiểu Cần	Sở Y tế	TTB	2010-2022	EDCF (Hàn Quốc)	31/8/2016	1578/QĐ-UBND 20/8/2010; 2372/QĐ-UBND 21/12/2015	80.650	67.050		67.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn nước ngoài thanh toán đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (vốn ODA đưa vào cân đối NSTW)	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
II	<b>Công nghệ thông tin</b>								<b>64.523</b>	<b>47.307</b>	<b>10.000</b>	<b>35.300</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</i>								<b>64.523</b>	<b>47.307</b>	<b>10.000</b>	<b>35.300</b>	
	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng hệ thống thông tin đất đai	2017-2022	WB	23/12/2016	1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016; 1186/QĐ-UBND, 29/6/2017	64.523	47.307	10.000	35.300	